

Số: 3091 /BC-TAND

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

**Công tác xét xử và thi hành án hình sự
năm 2015, phương hướng nhiệm vụ năm 2016**
(Tại kỳ họp thứ 15 - HĐND tỉnh khóa XVI)

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

I. CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT, XÉT XỬ CÁC LOẠI ÁN

(Số liệu tính từ ngày 01/11/2014 đến 31/10/2015)

Năm 2015, số lượng án Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thanh Hóa phải thụ lý là 7.420 vụ các loại (*tăng 347 vụ so với cùng kỳ*), đã giải quyết, xét xử 6.506 vụ, đạt tỷ lệ giải quyết chung là 88%. Số vụ, việc còn lại hầu hết mới thụ lý, đang được Tòa án giải quyết đảm bảo về tiến độ, không có án quá thời hạn xét xử theo quy định của pháp luật.

Kết quả giải quyết, xét xử đối với từng loại vụ án cụ thể như sau:

1. Công tác giải quyết, xét xử các vụ án hình sự

Tòa án hai cấp phải giải quyết 2.227 vụ án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm với 4.140 bị cáo, đã giải quyết 2.066 vụ, với 3.844 bị cáo, tỷ lệ giải quyết đạt 93% về số vụ. Ra quyết định trả lại hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung 199 vụ, với 368 bị cáo (trong đó cấp tỉnh 14 vụ với 28 bị cáo; cấp huyện 185 vụ với 340 bị cáo).

Trong đó:

- Tòa án nhân dân tỉnh phải giải quyết 110 vụ án hình sự sơ thẩm, đã giải quyết, xét xử 102 vụ, đạt tỷ lệ 93%; phải giải quyết 244 vụ án hình sự phúc thẩm, đã giải quyết, xét xử 244 vụ, đạt tỷ lệ 100%.

- Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải giải quyết 1.873 vụ án hình sự sơ thẩm, đã giải quyết 1.720 vụ, đạt tỷ lệ 92%.

So với cùng kỳ năm trước, số vụ án hình sự cấp huyện và tỉnh phải giải quyết giảm 202 vụ, với 373 bị cáo (*giảm 8,3% về số vụ*). Bước đầu cho thấy tình hình tội phạm đã được kiềm chế, đó là do sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng và chính quyền; sự phối hợp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan chức năng mà nòng cốt là các cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân; và ý thức chấp hành pháp luật của người dân đã có chuyển biến tích cực. ✓

Tuy nhiên, ở một số loại tội vẫn diễn biến phức tạp, người chưa thành niên phạm tội có chiều hướng gia tăng: Trong tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội là 0,16% (5/3058 bị cáo), tăng 0,2 % so với cùng kỳ; người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội là 1,6 % (50/3058 bị cáo), tăng 0,3% so với cùng kỳ. Trong tổng số các vụ án hình sự mà Tòa án nhân dân hai cấp phải giải quyết, thì các loại tội chiếm tỷ lệ cao là: Tội phạm về ma túy 18% (382 vụ); tội đánh bạc 11% (224 vụ); tội trộm cắp tài sản 7,5% (155 vụ); tội cố ý gây thương tích 7,4% (153 vụ); tội vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ 4,3% (90 vụ); tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 3 % (63 vụ).

Các vụ án đều được Tòa án xét xử nghiêm minh, bảo đảm đúng pháp luật, không có trường hợp nào bị xét xử oan. Đặc biệt nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng.. Trong tổng số 3.058 bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tuyên: Tử hình 02 bị cáo; chung thân 01 bị cáo; Tù có thời hạn 1.609 bị cáo (53%), trong đó: tù trên 15 đến 20 năm 40 bị cáo; tù trên 7 năm đến 15 năm 116 bị cáo; tù trên 3 năm đến 7 năm 251 bị cáo; tù 3 năm trở xuống 1.202 bị cáo; Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra; trong đó: Phạt tù nhưng cho hưởng án treo 898 bị cáo (*cấp tỉnh 10%, cấp huyện 30%*); Cải tạo không giam giữ 279 bị cáo (9,1%); Phạt tiền 269 bị cáo (8,8%).

Tòa án hai cấp đã phối hợp với cơ quan Viện kiểm sát và cơ quan Công an xét chọn 70 vụ án điển hình, trong đó có nhiều vụ án được dư luận xã hội quan tâm, nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ đưa ra xét xử nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tổ chức 173 phiên tòa lưu động tại địa bàn nơi xảy ra vụ án, đồng thời phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng chủ động thông tin tuyên truyền về công tác xét xử, nâng cao tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong nhân dân.

Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án hai cấp đã thực hiện tốt quy chế phối hợp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử giúp cho cơ quan tư pháp cấp huyện và tỉnh tháo gỡ vướng mắc, xử lý các vụ án đúng pháp luật khi vụ án đó còn có những quan điểm khác nhau góp phần đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, tránh được oan, sai không bỏ lọt tội phạm. Đặc biệt là giữa các cơ quan Tòa án và Viện kiểm sát, hầu hết các quan điểm, đề nghị mức hình phạt của Viện kiểm sát tại phiên tòa đều sát với mức hình phạt được tuyên của Tòa án đối với các bị cáo. Để bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa chung, khi xét xử các tội phạm về tham nhũng, ma túy, phạm tội giết người,... Tòa án xử phạt tù không cho hưởng án treo. Tuy nhiên, khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, cân nhắc tính chất, mức độ của hành vi phạm tội Tòa án phạt tù cho hưởng án treo và hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, đây thể hiện sự khoan hồng đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

2. Giải quyết, xét xử các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình

Hai cấp Tòa án phải giải quyết 4.832 vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, đã giải quyết 4.168 vụ việc đạt tỷ lệ 86%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình phải giải quyết tăng 453 vụ việc (*tăng 10,3% về số vụ việc*). Việc tăng các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình là do quy định của pháp luật đã mở rộng thẩm quyền giải quyết của tòa án và quyền khởi kiện cho các đương sự trong vụ việc dân sự và hôn nhân gia đình.

Trong đó:

- Án dân sự phải giải quyết 1.106 vụ việc; đã giải quyết 921 vụ việc, đạt tỷ lệ 83%; Án hôn nhân và gia đình phải giải quyết 3.726 vụ việc; đã giải quyết 3.247 vụ việc, đạt tỷ lệ 87%.

**** Cấp tỉnh:***

- Án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm phải giải quyết 163 vụ việc, đã giải quyết 140 vụ việc, đạt tỷ lệ 86%; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm và phúc thẩm phải giải quyết 56 vụ việc, đã giải quyết 48 vụ việc, đạt tỷ lệ 86%.

**** Cấp huyện:***

- Án dân sự sơ thẩm phải giải quyết 943 vụ việc, đã giải quyết 781 vụ việc, đạt tỷ lệ 83%;

- Án hôn nhân gia đình sơ thẩm phải giải quyết 3.670 vụ việc, đã giải quyết 3.199 vụ việc, đạt tỷ lệ 87%.

Số vụ kiện dân sự chiếm số lượng lớn là: kiện về hợp đồng vay tài sản 35% (321 vụ); Tranh chấp quyền sử dụng đất 10% (94 vụ); Đòi bồi thường thiệt hại về sức khoẻ 2,6% (24 vụ). Án hôn nhân và gia đình, những nguyên nhân xin ly hôn chiếm tỉ lệ cao là: mâu thuẫn trong gia đình 45% (1449 vụ); nghiện hút, cờ bạc, ngoại tình 12% (396 vụ); mâu thuẫn về kinh tế 2% (78 vụ).

Để bảo đảm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Tòa án đã kiên trì hòa giải để các đương sự có thể thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện về những vấn đề tranh chấp mà không trái pháp luật và đạo đức xã hội giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, giảm được chi phí về tiền án phí cho đương sự và cả chi phí phiên tòa, đồng thời bảo đảm được sự đoàn kết, ổn định trong nội bộ nhân dân.

Kết quả: Đối với án hôn nhân và gia đình tỷ lệ tòa án hòa giải thành, sau đó vợ chồng rút đơn về tiếp tục chung sống với nhau đạt tỷ lệ là 1% (32 vụ); Tòa án đã hòa giải thành sau đó ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là 70% (2.272 vụ). Vụ án dân sự đạt tỷ lệ là 17,2% (159 vụ).

3. Giải quyết, xét xử các vụ án kinh doanh thương mại, hành chính, lao động

- Tòa án hai cấp đã giải quyết 131/174 vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm, đạt tỷ lệ 75%, (*chủ yếu là giải quyết các tranh chấp giữa các đại lý, đại diện; tranh chấp mua bán hàng hoá và lĩnh vực đầu tư, tài chính, ngân hàng*), thụ lý án kinh doanh thương mại tăng 40 vụ so với cùng kỳ.

- Giải quyết 67/93 vụ án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, đạt tỷ lệ 72% (*án hành chính chủ yếu là khởi kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai*). Cụ thể là: yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy quyết định thu hồi, quyết định phê duyệt bồi thường về đất; quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tranh chấp của người có thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai. Thụ lý án hành chính giảm 8 vụ so với cùng kỳ.

Việc quản lý đất đai, cấp, thu hồi hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện bồi thường với đất bị thu hồi ở một số địa phương, đơn vị chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh vụ án hành chính.

- Tòa án hai cấp đã giải quyết 62/82 vụ án lao động sơ thẩm và phúc thẩm, đạt tỷ lệ 76% (*chủ yếu là đương sự khởi kiện về hợp đồng lao động*), thụ lý án lao động tăng 52 vụ so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do một số doanh nghiệp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không đúng trình tự quy định; doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hiểm xã hội; doanh nghiệp khó khăn thu hẹp sản xuất.

Quá trình giải quyết án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động Tòa án luôn quan tâm trong việc hoà giải, thu thập, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, đầy đủ nên việc xét xử; giải quyết các vụ án cơ bản đảm bảo chất lượng. Trong công tác giải quyết các vụ án hành chính, các Tòa án đã chú trọng việc tổ chức đối thoại, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng hồ sơ vụ án, thu thập đầy đủ chứng cứ cần thiết để đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

4. Công tác giám đốc kiểm tra

Tòa án nhân dân tỉnh thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn công tác xét xử và thi hành án hình sự đối với Tòa án cấp huyện. Cụ thể là, kiểm tra 3.089 hồ sơ các loại án; nghiên cứu, xem xét 2.764 án văn các loại án đã có hiệu pháp luật. Thông qua công tác kiểm tra đã nhận xét và kết luận những thiếu sót, khuyết điểm để Tòa án cấp huyện rút kinh nghiệm, khắc phục những thiếu sót. Nghiên cứu, giải quyết 29 đơn khiếu nại của công dân liên quan đến hoạt động tố tụng; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh kháng nghị 12 vụ; đưa ra xét xử theo trình tự giám đốc thẩm và tái thẩm, kết quả hủy 12 bản án sơ thẩm (*để xét xử lại: 10 vụ; để điều tra lại: 2 vụ*). Nhằm nâng cao chất lượng xét xử, không để xảy ra tình trạng quá hạn luật định, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh yêu cầu Tòa án nhân dân cấp huyện tự kiểm tra, rà soát, thường xuyên gửi lịch phiên tòa và kết quả xét xử cho bị cáo được hưởng án treo về Tòa án nhân dân tỉnh để theo dõi.

II. CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Những bản án, quyết định khi có hiệu lực pháp luật đều được Tòa án ra quyết định thi hành án hình sự kịp thời, tổng số là 3.585 bị án (*cấp tỉnh 125, cấp huyện 3.460 bị án*). Tổ chức Thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc 01 bị án. Tòa án đã chủ động kết hợp với Công an - Viện kiểm sát tiến hành rà soát, phân loại đối tượng và có hồ sơ, sổ thụ lý, sổ theo dõi chặt chẽ. Đối với việc ra quyết định hoãn thi hành án phạt tù, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, các Tòa án đều thực hiện theo,

quy định tại các Điều 23 và 31 Luật Thi hành án hình sự. Các Tòa án chủ động phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan Công an rà soát danh sách những người có quyết định thi hành án phạt tù hiện còn tại ngoại, chưa bị bắt thi hành án để đơn đốc bắt thi hành án.

Đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý các bị án phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ ở địa phương.

Tòa án nhân dân tỉnh đã xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 6.197 phạm nhân tại các trại cải tạo theo đúng qui định của pháp luật. Đề nghị đặc xá cho 17 người đang được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Mặc dù năm 2015, thụ lý án hình sự có xu hướng giảm nhưng một ở một số loại tội vẫn diễn biến phức tạp; các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại và lao động tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, nhưng do có sự chuẩn bị chu đáo về tăng cường đội ngũ cán bộ, làm tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho Thẩm phán, cán bộ nên công tác xét xử các loại án và thi hành án hình sự của 2 cấp Tòa án nhân dân ở tỉnh Thanh Hoá vẫn đảm bảo tiến độ và chất lượng giải quyết. Tỷ lệ giải quyết, xét xử đều giữ vững ở mức cao; chất lượng giải quyết, xét xử các loại án được nâng lên, hạn chế được án bị hủy, bị sửa, các mặt công tác khác đều có chuyển biến tích cực.

III. NHỮNG HẠN CHẾ, THIẾU SÓT TRONG CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT, XÉT XỬ CÁC LOẠI ÁN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, thiếu sót

- Án bị hủy là 0,34% (22 vụ) giảm 0,02% so với cùng kỳ; án bị sửa là 1,1 % (74 vụ) giảm 1,5 % so với cùng kỳ.

- Tính chung hai cấp Tòa án, tỷ lệ án bị hủy, bị sửa giảm hơn cùng kỳ năm trước và thấp hơn nhiều so với quy định của Tòa án nhân dân tối cao (tỷ lệ án hủy 1,16%, tỷ lệ sửa 4,20% do lỗi chủ quan của Thẩm phán) nhưng cũng đã ảnh hưởng đến thành tích chung của đơn vị.

- Tuy tỷ lệ giải quyết, xét xử tính chung có những loại án tăng hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng ở một số đơn vị, tỷ lệ giải quyết thấp hơn so với chỉ tiêu của Tòa án nhân dân đề ra (Tòa án các huyện Quan Sơn, Như Xuân, Mường Lát, Nông Cống), chủ yếu là án kinh doanh thương mại và hành chính.

2. Nguyên nhân

a) *Về chủ quan:* Án bị hủy và sửa là do nhận thức việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất; cá biệt ở một số ít Thẩm phán ý thức và tinh thần trách nhiệm chưa cao; việc xác minh, thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ vụ án của một số Thẩm phán chưa đầy đủ, thiếu thận trọng. Một số vụ án hình sự, Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng có những vụ điều tra bổ sung chưa đạt yêu cầu.

b) *Về khách quan:* Một số vụ án quá trình xét xử tại phiên tòa, đương sự thay đổi yêu cầu hoặc tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; hoặc sau phiên tòa sơ thẩm đương sự xuất trình chứng cứ mới làm thay đổi tình tiết vụ án; hoặc do

giá nhà đất thường xuyên biến động theo giá thị trường, khi xét xử phúc thẩm đương sự yêu cầu giám định lại, kết quả giám định được thay đổi theo giá thị trường cũng làm cho bản án bị sửa.

Tỷ lệ giải quyết ở một số loại án còn thấp, lý do:

- Một số vụ án, đương sự (*thường là bị đơn*) và người có nghĩa vụ liên quan không hợp tác, né tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- Trong vụ án hành chính: Người bị kiện không kịp thời cung cấp chứng cứ hoặc chỉ cung cấp bản sao không có chứng thực; giấy ủy quyền không đúng quy định; một số người được ủy quyền khi Tòa án triệu tập đối thoại, xét xử không tham gia, hoặc có nhiều lý do khác nhau xin hoãn phiên tòa.

- Một số vụ án tranh chấp về nhà đất khó khăn trong việc thành lập Hội đồng định giá (*vì phải đủ thành phần*); đương sự không cung cấp chứng cứ đầy đủ, phải xác minh, thẩm định.

- Trong vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, do phải ủy thác tư pháp đến các nước mà đương sự đang cư trú, làm ăn để thu thập chứng cứ, thời gian chờ kết quả ủy thác tư pháp có những vụ án kéo dài tới cả năm, nên ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2016

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội về công tác cải cách tư pháp, gắn việc thực hiện nhiệm vụ công tác của Tòa án nhân dân với việc thực hiện các yêu cầu của cải cách tư pháp, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng công tác xét xử theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 37/2013/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội. Trong đó, tập trung nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa nhất là phiên tòa hình sự, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa;

2. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, không để quá hạn luật định, phần đầu giải quyết, xét xử các loại án đạt và vượt chỉ tiêu đề ra (phần đầu: giải quyết, xét xử án hình sự đạt từ 90% trở lên: các loại án khác giải quyết, xét xử đạt 85% trở lên. Không để xảy ra kết án oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm; hạn chế tới mức thấp nhất các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán;

3. Tăng cường công tác giám đốc kiểm tra của Tòa án nhân dân tỉnh đối với Tòa án cấp huyện để kịp thời phát hiện và khắc phục những sai sót;

4. Làm tốt công tác thi hành án hình sự, đảm bảo ra quyết định thi hành án hình sự đúng thời hạn đối với 100% người bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật; đảm bảo việc hoãn, tạm đình chỉ thi hành án; giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù phải đúng pháp luật; ✓

5. Tăng cường công tác xét xử lưu động nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật trong nhân dân;

6. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án nhân dân trong sạch, vững mạnh; Thường xuyên kiểm tra, thanh tra nội bộ; tăng cường kỷ luật công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các sai phạm, tiêu cực của cán bộ, công chức;

7. Đẩy mạnh công tác Thi đua khen thưởng theo Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị; Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ. Tiếp tục đẩy mạnh việc *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* với chủ đề: *"Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của Thẩm phán, Cán bộ công chức Tòa án nhân dân"*. Phấn đấu xây dựng hình ảnh người Cán bộ, Công chức cơ quan Tòa án tiên tiến, góp phần xây dựng tỉnh nhà sớm trở thành tỉnh tiên tiến vào năm 2020.

Phần III KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị các cấp ủy Đảng, Đoàn đại biểu Quốc Hội, Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thanh Hóa (tỉnh và huyện) trong việc thực hiện nhiệm vụ xét xử và thi hành án hình sự; trong việc thực hiện Nghị quyết 49/NQ-TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách công tác tư pháp đến năm 2020 và Nghị quyết số 37/2012/QH 13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội, để Tòa án hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp quan tâm hỗ trợ thêm kinh phí cho Tòa án hai cấp để:

- Tổ chức được nhiều hơn nữa các phiên tòa xét xử lưu động nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân;

- Tập huấn nâng cao kỹ năng xét xử cho Hội thẩm nhân dân;

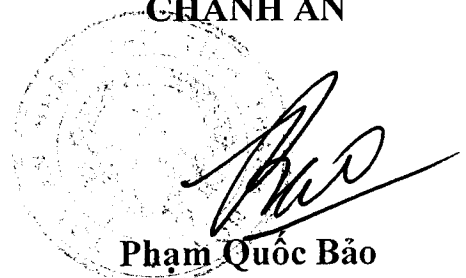
- Mua sắm trang, thiết bị phục vụ công tác xét xử.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác xét xử và thi hành án hình sự năm 2015, phương hướng nhiệm vụ năm 2016, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (để BC);
- TAND tối cao (để BC);
- Ủy ban Thẩm phán TAND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHÁNH ÁN



Phạm Quốc Bảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

THỐNG KÊ KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN CẤP HUYỆN
(Số liệu tính từ 01/11/2014 đến 31/10/2015)

TÊN ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÁC LOẠI ÁN																						
	ÁN HÌNH SỰ					ÁN DÂN SỰ			ÁN HNGĐ			ÁN HC			ÁN KDTM			ÁN LĐ			TS CÁC LOẠI (VỤ)		
	TL		GQ		% Vụ	TL	GQ	%	TL	GQ	%	TL	GQ	%	TL	GQ	%	TL	GQ	%	TL	GQ	%
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo																			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Bá Thước	28	43	24	38	86	35	32	91	62	58	94										125	114	91
Cẩm Thủy	53	91	48	86	91	24	24	100	68	53	78	1	1	100							146	126	86
Đông Sơn	26	73	24	66	92	15	13	87	84	72	86				1	1	100	1	1	100	127	111	84
Hà Trung	52	103	44	95	85	30	24	80	86	79	92	1	0	0				2	2	100	171	149	87
Hậu Lộc	98	169	91	160	93	54	46	85	118	111	94	6	6	100	2	0	0				278	254	91
Hoàng Hóa	87	163	76	148	87	39	29	74	252	219	87	5	4	80	2	2	100				385	330	86
Lang Chánh	23	41	22	40	96	7	6	86	27	26	96				1	1	100				58	55	95
Mường Lát	65	81	52	66	80	6	6	100	7	5	71										78	63	81
Nga Sơn	46	82	44	80	96	18	16	89	141	124	88	2	1	50							207	185	89
Ngọc Lặc	56	81	52	75	93	44	37	84	108	91	84							1	1	100	209	181	87
Như Thanh	23	52	18	33	78	23	22	96	55	47	85	1	1	100	2	2	100				104	90	87
Như Xuân	49	104	45	96	92	22	7	32	107	74	69										178	126	71
Nông Cống	70	123	59	107	84	59	55	93	134	110	85	1	1	100							264	225	85
Quan Hóa	26	43	25	42	96	12	9	75	23	18	78										61	52	85
Quan Sơn	13	14	10	11	77	4	3	75	13	8	62										30	21	70
Quảng Xương	83	216	76	208	92	25	20	80	254	230	91	3	2	67	2	1	50	2	0	0	367	329	90
Thạch Thành	45	124	43	120	96	39	35	90	137	124	91				2	1	50				223	203	91
Thành Phố	392	634	381	593	97	151	122	81	618	563	91	15	11	73	104	82	79	71	53	75	1351	1212	90
TX Bim Sơn	63	78	54	68	86	58	45	78	211	187	89				9	7	78	1	1	100	342	294	86
TX Sầm Sơn	67	170	61	150	91	14	11	79	107	89	83				10	10	100				198	171	86
Thiệu Hóa	29	93	27	88	93	20	19	95	141	119	84	4	3	75							194	168	87
Thọ Xuân	79	145	73	135	92	69	52	75	226	197	87	1	1	100	3	3	100	1	1	100	379	327	86
Thường Xuân	32	62	26	48	81	17	15	80	65	59	91										114	100	88
Tĩnh gia	136	248	128	227	94	24	21	88	223	199	89	12	11	92	1	1	100	2	2	100	398	362	91
Triệu Sơn	89	206	83	196	93	32	21	66	184	157	85	2	0	0	2	2	100				309	263	85
Vĩnh Lộc	37	84	35	75	95	44	37	84	80	67	84	2	1	50	4	1	25				167	141	84
Yên Định	106	220	99	207	93	58	54	93	139	113	81	2	2	100	7	7	100				312	275	88
TAND tỉnh	354	597	346	586	98	163	140	86	56	48	86	35	22	63	22	10	45	1	1	100	631	567	90
Tổng cộng	2227	4140	2066	3844	93	1106	921	83	3726	3247	87	93	67	72	174	131	75	82	62	76	7408	6494	88